

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 19-7-2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Huy Quang;**

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Nin, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Kiều D, sinh năm: 1992 (có mặt).

HKTT: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn N, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Đinh Công B, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Kiều D trình bày: Chị và anh Huỳnh Văn N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau. Sau cưới vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân không có sự bàn bạc thống nhất trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng luôn bất đồng ý kiến, anh N không lo làm ăn chăm lo cho gia đình. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt không thể hàn gắn được, vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2017 đến nay. Chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn N.

Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Chí C, sinh ngày 14/4/2016 hiện do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: nợ anh Đinh Công B số tiền 9.000.000 đồng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu chia nợ chung theo quy định pháp luật.

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đinh Công B có yêu cầu độc lập trình bày: Anh có cho vợ chồng D-N mượn số tiền 9.000.000 đồng, nay vợ chồng D-N ly hôn, anh yêu cầu cả hai cùng có trách nhiệm trả nợ cho anh.

- Tại biên bản xác minh do Tòa án tiến hành thể hiện chị D chung sống với gia đình anh N tại ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh C. mâu thuẫn giữa vợ chồng do anh N cùng gia đình đi Bình Dương để làm nhưng chị D không đồng ý và từ đó không còn chung sống với nhau.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Giai đoạn chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 57, 81 Luật hôn nhân gia đình, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, về hôn nhân chấp nhận yêu cầu của chị D về việc ly hôn với anh N. Về con chung: hiện đang do chị D nuôi dưỡng nên giao con chung cho chị D tiếp tục trực tiếp nuôi, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: không xem xét. Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đinh Công B vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không yêu cầu xét xử vắng mặt nên đình chỉ xét xử. Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của chị Đinh Kiều D được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Huỳnh Văn N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện U Minh triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có

lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Huỳnh Văn N.

Anh Đinh Công B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu của anh Bằng đối với chị D và anh N.

[2] Về nội dung: Chị Đinh Kiều D và anh Huỳnh Văn N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của chị Đinh Kiều D và anh Huỳnh Văn N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng chị D và anh N xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải với nhau được. Qua xác minh tình trạng hôn nhân cho thấy giữa chị D và anh N không thống nhất được việc sinh sống và làm việc dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và không còn chung sống với từ năm 2017 đến nay, tại phiên tòa, chị Đinh Kiều D xác định tình cảm vợ chồng không còn và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn N điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Kiều D.

Về con chung: Huỳnh Chí C, sinh ngày 14/4/2016 hiện do chị nuôi dưỡng do đó để đảm bảo quyền lợi con chung nên giao con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Anh Huỳnh Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở.

Tài sản chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Nợ chung: Chị D cho rằng nợ anh Đinh Công B 9.000.000 đồng và yêu cầu mỗi người trả một nửa cho anh Bằng, chị D thừa nhận nợ anh Bằng không có văn bản thể hiện. Anh N vắng mặt, do đó, không thể xác định được việc thiếu tiền anh Bằng và anh Bằng vắng mặt tại phiên tòa nên nợ chung theo chị D trình bày Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định đây là nợ chung. Do anh Bằng có yêu cầu độc lập nhưng vắng mặt lần thứ hai nên đình chỉ xét xử yêu cầu của anh Bằng đối với chị D và anh N. Hậu quả của việc đình chỉ, anh Bằng có quyền khởi kiện lại theo quy định.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Kiều D phải chịu 300.000 đồng.

Tịch thu sung quỹ tạm ứng án phí anh Đinh Công B đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 2 **Điều 227**; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân

sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Kiều D được ly hôn với anh Huỳnh Văn N.

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Chí C, sinh ngày 14/4/2016 cho chị Đinh Kiều D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đinh Kiều D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Anh Huỳnh Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Tài sản chung: Chị D xác định không có;

Nợ chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu trả số tiền 9.000.000 đồng của anh Đình Công B đối với Huỳnh Văn N và Đình Kiều D.

- Án phí dân sự sơ thẩm chị Đinh Kiều D phải chịu 300.000 đồng, chị Đinh Kiều D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004066 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Tịch thu sung quỹ tạm ứng án phí anh Đình Công B đã nộp số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0004188 ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng